

UNIT 3:

COMMUNITY SERVICE

A CLOSER LOOK 1

- exchange	(v) : trao đổi
- tutor	(v) : phụ đạo , dạy kèm
- used paper	(n) : giấy loại
- local	(adj) : thuộc địa phương
- textbook	(n) : sách giáo khoa
- rural area	(n) : vùng nông thôn
- gift	(n) : quà tặng
- elderly	(adj) : lớn tuổi, cao tuổi
- poor children	(n) : trẻ em nghèo
- soup	(n) : xúp, canh, cháo
- provide	(v) : cung cấp
- pick up	(v) : nhặt lên
- volunteer	(v,n) : tình nguyện, người tình nguyện